

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Đánh giá việc thực hiện chính sách tiền lương đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2801/BNN-TCCB ngày 23/4/2019 về việc rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách tiền lương trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo thực trạng trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số lượng đơn vị sự nghiệp có viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Trong giai đoạn từ năm 2018 trở về trước, số viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (theo Đề cương yêu cầu báo cáo) trên địa bàn tỉnh tập trung ở các Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổng số viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT bình quân trong 3 năm 2016-2018 là 102 viên chức (*Chăn nuôi và Thú y: 62, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 40*).

Cuối năm 2018, thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 22/11/2018, Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 về việc Phê duyệt Đề án Hợp nhất Trạm Chăn nuôi và Thú y thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT và Trạm Khuyến nông thuộc UBND huyện, thành phố để thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND huyện, thành phố. Theo đó, từ ngày 01/01/2019, viên chức chuyên ngành nông nghiệp và PTNT thuộc các Chi cục: Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được điều chuyển về công tác các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND các huyện, thành phố.

2. Phân tích, đánh giá đặc điểm, tình hình về việc thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề đối với viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý

Viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh chủ yếu có các chức danh: Bảo vệ viên bảo vệ thực vật và Chẩn đoán viên bệnh động vật; công việc của viên chức thường xuyên trực tiếp tại cơ sở, địa bàn công tác rộng, có địa bàn ở vùng sâu, vùng xa, hải đảo; về điều kiện, phương tiện đi lại, công tác còn nhiều khó khăn.

Chính sách tiền lương trong thời gian qua thực hiện áp dụng theo thang bảng lương tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 11/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức ngành Bảo vệ thực vật, Thú y được quy định tại Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 64/2006/TTLT-BNV-BTC ngày 25/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg. Qua thực tế cho thấy chính sách tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề đối với viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn còn thấp, chủ yếu bù đắp trượt giá, chưa đảm bảo nhu cầu sống cơ bản, chưa phản ánh đúng giá trị lao động của viên chức, chưa khuyến khích viên chức phát huy hết năng lực, sở trường công tác.

II. THỰC TRẠNG CHỨC VỤ, CHỨC DANH VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG (BAO GỒM LƯƠNG VÀ CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP) ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Thống kê các chức danh, chức vụ lãnh đạo hiện có trong đơn vị sự nghiệp chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc quyền quản lý

- Từ năm 2018 trở về trước, tại các Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có: Trưởng Trạm hoặc 01 Phó trưởng trạm phụ trách Trạm (*tại 13/14 huyện, thành phố; riêng huyện Lý Sơn có quy mô nhỏ nên chỉ phân công viên chức theo dõi*) và có từ 1 đến 6 viên chức chuyên môn ở mỗi Trạm.

- Sau khi chuyển viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND huyện, thành phố, hiện nay lãnh đạo các Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trước đây hầu hết được bố trí làm Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện.

2. Số lượng viên chức, người lao động hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Số lượng bình quân của 3 năm 2016-2018 là 102 người, trong đó:

- Viên chức có chức danh Chăn đoán bệnh động vật (*thuộc các Trạm Chăn nuôi và Thú y*): 62 người

- Viên chức có chức danh Bảo vệ thực vật (*thuộc các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật*): 40 người

(có biểu mẫu thống kê kèm theo)

3. Việc tổ chức thực hiện, áp dụng thang bảng lương, nâng bậc lương và chế độ phụ cấp với viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện nay

Thực hiện Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV và số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y. Trong năm 2016, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện chuyển xếp lương từ các ngạch lương cũ sang các chức danh nghề nghiệp mới tương ứng cho viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Việc tổ chức thực hiện, áp dụng thang bảng lương, nâng bậc lương được thực hiện theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 11/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Việc thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề được thực hiện theo Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 64/2006/TTLT-BNV-BTC ngày 25/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg; Công văn số 8483/BNN-TCCB ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với viên chức chuyên ngành Bảo vệ thực vật và Thú y.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Hệ thống chức danh, chức vụ và chính sách tiền lương, phụ cấp hiện nay đối với viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc trong đơn vị sự nghiệp hiện nay đã có một số cải cách nhất định, phù hợp hơn với thực tiễn. Tuy nhiên cũng còn nhiều hạn chế, bất cập như: Tiền lương khu vực công nói chung và trong chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nói riêng còn thấp, chưa đảm bảo nhu cầu đời sống của viên chức và gia đình họ, thiết kế hệ thống bảng lương còn phức tạp, chưa phù hợp với vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo, còn mang tính bình quân, cào bằng, chưa thực sự tạo được động lực để nâng cao hiệu quả

làm việc của người lao động.

IV. ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị cơ quan chức năng nghiên cứu xây dựng thang bảng lương đối với viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo hướng trả lương theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo để phù hợp với thực tế, khuyến khích người lao động tăng năng suất, hiệu quả công tác và đúng với tinh thần của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức.

2. Tiếp tục nghiên cứu, có quy định phù hợp hơn về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vì là đối tượng người lao động có tính chất đặc thù, thường xuyên tiếp xúc với môi trường có thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, dịch bệnh, ...

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và PTNT;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), CB-TH;
- Lưu: VT, NNTNak421.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tăng Bính

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC
CHUYÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

(Kèm theo Báo cáo số 139/BC-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Đơn vị	Tổng số viên chức hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành NN&PTNT	Trình độ chuyên môn				Chức danh nghề nghiệp			Phụ cấp ưu đãi nghề (VNĐ)				Ghi chú
			TS	Th.s	Đại học	Cao đẳng trở xuống	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Bình quân 3 năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Chi cục Chăn nuôi và thú y	62		10	31	21		41	21	250.753.976	260.817.354	275.273.763	262,281,698	
2	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	40	0	0	33	7	2	31	7	273,244,458	317,963,953	317,870,386	303,026,266	

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC
CHUYÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

(Kèm theo Báo cáo số 139/BC-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chức danh nghề nghiệp ngành NN&PTNT	Tổng số viên chức hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành NN&PTNT	Chức danh nghề nghiệp			Tổng số tiền lương hiện hưởng (VNĐ)				Tổng số tiền được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề			Ghi chú	
			Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Bình quân	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Bình quân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Bảo vệ thực vật	40	2	31	7	2,639,131,849	2,748,485,017	2,699,579,626	2,695,732,164	273,244,458	317,963,953	317,870,386	303,026,266	
2	Giám định thuốc bảo vệ thực vật													
3	Kiểm nghiệm cây trồng													
4	Chẩn đoán viên bệnh động vật	62		41	21	2.667.369.997	2.738.399.044	2.854.353.132	2.753.374.058	250.753.976	260.817.354	275.273.763	262.281.698	
5	Kiểm tra vệ sinh thú y													
6	Kiểm nghiệm thuốc thú y													

7	Kiểm nghiệm chăn nuôi													
8	Kiểm nghiệm thủy sản													